

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KSTT
V/v góp ý dự thảo Báo cáo và
Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ

Bình Định, ngày tháng năm 2022

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Công văn số 4767/VPCP-KSTT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc tham gia ý kiến với dự thảo Báo cáo và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ;

Trên cơ sở xem xét kết quả đề xuất của các cơ quan, đơn vị, địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định thống nhất với các dự thảo: (i) Báo cáo tình hình công tác cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp từ năm 2021 đến nay và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm giai đoạn 2022-2025 và (ii) Chỉ thị của Thủ tướng về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp kèm theo Công văn nêu trên; đồng thời, cung cấp bổ sung một số thông tin, dữ liệu liên quan đến địa phương theo yêu cầu của Văn phòng Chính phủ tại các Phụ lục đính kèm Công văn này, cụ thể:

- Phụ lục 1: Kết quả triển khai các nhiệm vụ tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- Phụ lục 2: Tình hình, kết quả giải quyết Dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

- Phụ lục 3: Tình hình gửi, nhận văn bản, xử lý công việc trên môi trường điện tử và Hệ thống quản lý, theo dõi nhiệm vụ;

- Phụ lục 4: Kết quả triển khai Hệ thống thông tin báo cáo;

- Phụ lục 5: Tình hình triển khai cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo để Văn phòng Chính phủ xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- TH-CB, PVHCC;
- Lưu: VT, KSTT^(M).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

STT	Nội dung thông tin	Cấp thực hiện							Ghi chú	
		Địa phương			Cơ quan ngành dọc					
		Tỉnh	Huyện	Xã	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Cục Thuế tỉnh	Cục Hải quan tỉnh	NHNN chi nhánh tỉnh		Kho bạc Nhà nước tỉnh
18	Triển khai thực hiện cơ chế giao doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đảm nhận một số công việc trong quá trình hướng dẫn, tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính	1	1	1	0	0	1	1	1	
19	Sử dụng Bộ nhận diện thương hiệu thống nhất tại Bộ phận Một cửa	1	1	1	0	0	0	1	0	
20	Thực hiện đổi mới việc giám sát, đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian thực trên cơ sở ứng dụng công nghệ mới	1	1	1	1	1	1	1	1	
21	Triển khai thực hiện thanh toán trực tuyến	1	1	1	1	1	1	1	1	
22	Kết quả triển khai 25 dịch vụ công thiết yếu theo quy định tại điểm a khoản 1 Mục IX Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ	1	1	1	1	1	0	1	0	

Hướng dẫn thực hiện:

Đối với các nội dung đề nghị cung cấp thông tin, nếu bộ/cơ quan/địa phương đã thực hiện: Tích "1"; nếu chưa thực hiện: Tích "0".

Phụ lục 2**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA***(Kèm theo Công văn số /UBND-KSTT ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định)***I. Dịch vụ công trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia**

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	Tổng TTHC của địa phương	TTHC cung cấp mức độ 3	TTHC cung cấp mức độ 4	Còn lại	Số lượng Dịch vụ công tích hợp lên Cổng DVC Quốc gia	Tỷ lệ tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
13	Bình Định	1846	33	1125	688	1155	62.57	Đề nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, điều chỉnh cách tính tỷ lệ tích hợp ở cột (8) như sau: $(8) = (7) / [(4) + (5)]$ Vì việc tích hợp DVCTT lên Cổng DVC quốc gia được thực hiện đối với các DVCTT mức độ 3, mức độ 4 tính đang cung cấp. Do đó, tỷ lệ tích hợp chỉ được tính trên tổng số DVCTT mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh. Khi đó, tỷ lệ tích hợp của tỉnh Bình Định là: $1155/1158 = 99.7\%$.

II. Kết quả triển khai thanh toán trực tuyến trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022

a) Phí, lệ phí

STT	TÊN TỈNH, THÀNH PHỐ	NĂM 2021			6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022			Ghi chú
		Tổng số giao dịch	Giao dịch thành công	Tỷ lệ thành công (%)	Tổng số giao dịch	Gd thành công	Tỷ lệ thành công (%)	
8	Bình Định	8700	6093	70.03	62968	50660	80.45	Thống nhất như dự thảo

b) Thuế trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai

STT	TÊN TỈNH, THÀNH PHỐ	NĂM 2021			6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022			Ghi chú
		Tổng số giao dịch	Giao dịch thành công	Tỷ lệ thành công (%)	Tổng số giao dịch	Giao dịch thành công	Tỷ lệ thành công (%)	
13	Bình Định	7456	5377	72.12	11052	8165	73.88	Thống nhất như dự thảo

III. Kết quả thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính năm 2022

STT	TÊN TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG SỐ	HOÀN THÀNH	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
4	Bình Định	27171	25323	93.20	Thống nhất như dự thảo

IV. Tiến độ giải quyết thủ tục hành chính năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022

Trên cơ sở dữ liệu đồng bộ giữa Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh với Công Dịch vụ công quốc gia, kết quả cụ thể như sau:

STT	TÊN TỈNH, THÀNH PHỐ	NĂM 2021	6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022		Ghi chú
		Tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn, trong hạn	Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn, trong hạn	Tổng số hồ sơ đang xử lý quá hạn	
13	Bình Định	93.68%	91.86%	7254	Thống nhất như dự thảo

Phụ lục 3
TÌNH HÌNH GỬI, NHẬN VĂN BẢN, XỬ LÝ CÔNG VIỆC TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ
VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ, THEO DÕI NHIỆM VỤ

(Kèm theo Công văn số /UBND-KSTT ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định)

Thời điểm báo cáo: Năm 2021 và 07 tháng đầu năm 2022

I. Tình hình gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý công việc trên môi trường điện tử

STT	Cơ quan, đơn vị	Số đơn vị gửi, nhận văn bản điện tử/tổng số đơn vị		Số lượng đơn vị xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử/tổng số đơn vị		Số lượng chữ ký số cấp cho Lãnh đạo		Số lượng chữ ký số cấp cho cơ quan, tổ chức		Tỷ lệ sử dụng chữ ký số cá nhân trong gửi, nhận văn bản và xử lý công việc		Số lượng văn bản điện tử gửi không kèm bản giấy/tổng số văn bản gửi		Số lượng văn bản điện tử gửi nhận bên ngoài Bộ, ngành, địa phương (Gửi: SL, Nhận: SL)		Số lượng văn bản điện tử gửi nhận nội bộ Bộ, ngành, địa phương (Gửi: SL, Nhận: SL)		Số lượng hồ sơ xử lý trên môi trường điện tử	
		2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
1	Cấp sở, ngành, quận huyện	31/31	31/31	31/31	31/31	124 (100%)	124 (100%)	31	31	100%	100%	384092	268007	Gửi: 18.583 Nhận: 28.924	Gửi: 12.389 Nhận: 19.474	Gửi: 432.196 Nhận: 1.360.546	Gửi: 74.051 Nhận: 387.933	20.945	13.622
2	Cấp xã, phường, thị trấn	159/159	159/159	159/159	159/159	477 (100%)	477 (100%)	159	159	100%	100%	115848	62314	Gửi: 709 Nhận: 10.666	Gửi: 341 Nhận: 5.702	Gửi: 144.747 Nhận: 454.967	Gửi: 94.345 Nhận: 694.125	5050	4277

Ghi chú:

- Xử lý công việc trên môi trường điện tử: Việc xử lý văn bản, hồ sơ được thực hiện hoàn toàn trên môi trường điện tử, theo một quy trình khép kín từ khâu tiếp nhận văn bản; phân văn bản; tạo hồ sơ, phiếu trình; trình các cấp lãnh đạo; ký số cá nhân trên văn bản điện tử và phát hành văn bản điện tử.

II. Phân hệ theo dõi nhiệm vụ

STT	Cơ quan, đơn vị	Xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi nhiệm vụ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao theo Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 (Đã xây dựng, Chưa xây dựng, đang xây dựng)	Số lượng đơn vị sử dụng phân hệ theo dõi nhiệm vụ (Nếu đã triển khai)	Cấp thực hiện (Bộ, ngành: Cấp Tổng Cục, Vụ, Cục và tương đương; cấp phòng, Ban và tương đương... Địa phương: Cấp sở, ngành, quận huyện; cấp xã...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	UBND tỉnh Bình Định	Đã xây dựng	42	- Cấp sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố - 05 cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh

Ghi chú: Phân hệ theo dõi nhiệm vụ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được xây dựng tập trung cho từng bộ, ngành, cơ quan. Theo Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 đến năm 2025, 100% bộ, ngành, địa phương phải hoàn thành phân hệ này.

III. Tình hình gửi, nhận văn bản điện tử qua Trục liên thông văn bản quốc gia

STT	Tên tỉnh/TP	2022 (Đến 28/7/2022)		2021	
		Nhận	Gửi	Nhận	Gửi
1	Tỉnh Bình Định	119763	21538	212447	31599

Phụ lục 4
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI HỆ THỐNG THÔNG TIN BÁO CÁO
(Kèm theo Công văn số /UBND-KSTT ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định)

STT	Tên bộ, cơ quan, địa phương (B, CQ, ĐP)	Chế độ báo cáo (CĐBC) định kỳ thuộc phạm vi quản lý			Kết quả triển khai HTTTBC của B, CQ, ĐP và tích hợp, cung cấp trên HTTTBC Chính phủ		Địa chỉ truy cập HTTTBC của B, CQ, ĐP
		Tổng số CĐBC	CĐBC gửi TTgCP, CP, UBTVQH, QH...	CĐBC phục vụ chỉ đạo, điều hành của B, CQ, ĐP	Tổng số CĐBC đã triển khai trên HTTTBC B, CQ, ĐP	Số CĐBC gửi TTgCP, CP, UBTVQH, QH... đã tích hợp, cung cấp trên HTTTBC Chính phủ	
(1)	(2)	(3) = (4) + (5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
II Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương							
9	Bình Định (tỉnh Bình Định vừa ban hành Quyết định số 32/2022/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 Quy định chế độ báo cáo định kỳ ngành Nội vụ theo Thông tư số 07/2021/TT-BNV ngày 31/12/2021 của Bộ Nội vụ nên số liệu có sự thay đổi so với số đã báo cáo trên HTTTBC của VPCP trong quý II)	138	0	138	07	Chưa có CĐBC cần tích hợp, cung cấp	https://baocao.binhdingh.gov.vn/ (tỉnh Bình Định đang triển khai thí điểm, thử nghiệm Hệ thống báo cáo của tỉnh nên chưa thực hiện tích hợp với HTTTBC Chính phủ)

Phụ lục 5
TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CUNG CẤP THÔNG TIN
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Công văn số /UBND-KSTT ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bình Định)

Tình hình cung cấp thông tin, dữ liệu của các địa phương trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ

STT	Tên tỉnh, thành phố	Số liệu 8 chỉ tiêu KTXH (6 tháng đầu năm 2022)	Số liệu về Niên giám thống kê của tỉnh, thành phố (Từ 2016-2020)	Thông tin về giới thiệu tỉnh, thành phố
35	Bình Định	X	X (tỉnh Bình Định đã cập nhật số liệu về Niên giám thống kê của tỉnh (từ 2016 – 2020) lên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ)	X